

## ĐẶC ĐIỂM SINH TRƯỞNG, PHÁT TRIỂN CỦA MỘT SỐ GIỐNG HOA LILY NHẬP NỘI TRỒNG TẠI HẢI PHÒNG - VỤ ĐÔNG 2006

Study on growth and development characteristics of some imported lily varieties grown at Haiphong in winter season 2006

Bùi Thanh Tùng<sup>1</sup>, Hoàng Minh Tấn<sup>2</sup>

<sup>1</sup> Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hải Phòng;

<sup>2</sup> Khoa Nông học, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội

### SUMMARY

Flower production plays an important role in the Vietnamese agriculture in the last few years. The market demand for fresh flowers, including lily, is increasing in terms of both quality and quantity. The experiment was carried out in winter season in Haiphong to evaluate the growth and development characteristics of 8 lily varieties imported from the Netherlands. The varieties were arranged in RCBD with plot size of 10 m<sup>2</sup> and 3 replications. The results showed that the lily varieties grew and developed well, produced high flower yield under Haiphong ecological condition. Of these varieties, Sorbonne and Tiber are the best ones with the highest flower yield, quality and economic efficiency in comparison with the others. Two varieties - Stargazer and Starfighter - produced the lowest flower number and the highest disease incidence.

**Key words:** Development, flower yield, growth, lily varieties.

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Lily là loại hoa mới được nhập nội vào Việt Nam với vẻ đẹp quyến rũ, hương thơm thanh khiết và độ bền cao nên được người tiêu dùng ưa chuộng. Ngoài vùng hoa truyền thống Đà Lạt, các tỉnh miền Bắc vào vụ đông xuân cũng có điều kiện sinh thái thuận lợi cho việc phát triển hoa lily. Nhiều nhà khoa học đã nhập nội và khảo nghiệm một số giống lily tại các tỉnh miền Bắc và đã thu được các kết quả khả quan (Trần Duy Quý, 2004; Đặng Văn Đông và Đinh Thế Lộc, 2004; Nguyễn Văn Tinh, 2007...). Tuy nhiên, cho đến nay vẫn chưa có các khảo nghiệm giống lily tại Hải Phòng.

Hải Phòng là đô thị lớn nên nhu cầu về các loại hoa cao cấp ngày càng tăng. Hoa lily tiêu thụ ở Hải Phòng được nhập về từ Đà Lạt, Hà Nội hoặc Trung Quốc. Trong 2005, một số hộ nông dân ở Hải Phòng có thử nghiệm trồng hoa lily trong nhà lưới nhưng cây sinh trưởng kém, năng suất hoa và hiệu quả kinh tế thấp.

Đề tài nghiên cứu này nhằm mục đích giới thiệu một số giống hoa lily có khả năng sinh trưởng, phát triển tốt và cho hiệu quả kinh tế cao trong điều kiện sinh thái của Hải Phòng.

### 2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 2.1. Vật liệu nghiên cứu

Tám giống lily được nhập nội từ Hà Lan với kích cỡ củ (chu vi) 16 - 18 cm và đã qua xử lý lạnh trước khi nhập vào Việt Nam gồm: Sorbonne, Stargazer, Siberia, Acapulco, Alusta, Tiber, Medusa, Starfighter.

#### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thí nghiệm được tiến hành trên nền đất phù sa tại Trang trại hoa Vĩnh Bảo, Hải Phòng trong vụ đông 2006, ngày trồng 5/11/2006. Thí nghiệm gồm 8 công thức, mỗi công thức là một giống và được bố trí theo khối hoàn toàn ngẫu nhiên (RCBD) với 3 lần lặp lại, mỗi ô gồm 10 m<sup>2</sup> với mật độ là 25 cây/m<sup>2</sup>. Quy trình trồng và chăm sóc được tiến hành theo Đặng Văn Đông, Đinh Thế Lộc (2004) và Triệu Tường Vân (2005).

Các chỉ tiêu theo dõi gồm: Tỷ lệ mọc mầm (%), chiều cao cây và đường kính thân (cm), số lá (lá/cây), tỷ lệ ra nụ và ra hoa (%), đường kính nụ và đường kính hoa (cm), thời gian hoa nở và độ bền của hoa (ngày), tỷ lệ cây hữu hiệu (%), năng suất thực thu (số cành hoa và số bông hoa tính trên 1 m<sup>2</sup>) và hiệu quả kinh tế.

Các chỉ tiêu được xác định theo các phương pháp nghiên cứu thông thường về hoa.

Số liệu thí nghiệm được xử lý thống kê theo chương trình IRRISTAT (Phạm Tiên Dũng, 2003).

### 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

#### 3.1. Một số đặc điểm sinh trưởng của các giống lily

**Bảng 1. Một số chỉ tiêu về sinh trưởng của 8 giống hoa lily**

TT	Giống	Tỷ lệ nảy mầm (%) (10 ngày sau trồng)	Chiều cao cây (cm)	Số lá	Chiều dài lá (cm)	Chiều rộng lá (cm)	đường kính thân (cm)
1	Alusta	100	89,20	40,40	15,70	3,12	0,94
2	Medusa	100	94,50	44,10	16,10	3,57	0,80
3	Siberia	100	85,10	45,60	13,90	4,05	0,83
4	Tiber	100	86,90	55,00	11,10	3,35	0,85
5	Sorbonne	100	88,70	42,30	12,80	4,25	0,91
6	Stargazer	100	65,90	34,80	8,90	3,05	0,64
7	Starfighter	100	66,10	40,10	9,50	3,20	0,62
8	Acapulco	100	94,30	39,00	10,30	3,15	0,85
	LSD 5%		3,44	3,80	1,50	0,32	0,11
	CV %		2,40	5,20	7,10	5,30	5,90

Cả 8 giống lily đều có tỷ lệ nảy mầm 100% sau 10 ngày trồng vì chúng đã hết thời kỳ ngủ nghỉ.

Đối với hoa lily thì chiều cao cây và đường kính thân đánh giá phẩm cấp hoa. Giống có chiều cao cây lớn nhất là Medusa, thấp nhất là Stargazer và Starfighter. Giống có đường kính thân lớn nhất là Alusta và thấp nhất là Starfighter và Stargazer (Bảng 1).

Nhìn chung thì các chỉ tiêu sinh trưởng của các giống có sự khác biệt đáng kể ảnh hưởng đến chất lượng hoa cắt. Trừ 2 giống Starfighter và Stargazer, 6 giống còn lại có hình thái cây đạt chất lượng cao của hoa lily cắt.

#### 3.2. Thời gian sinh trưởng

Thời gian từ trồng đến ra nụ, ra hoa và tổng thời gian sinh trưởng của các giống được ghi nhận trong bảng 2.

**Bảng 2. Các giai đoạn sinh trưởng của các giống hoa lily**

TT	Giống	Từ trồng đến ra nụ (ngày)	Từ nụ đến ra hoa (ngày)	Thời gian sinh trưởng (ngày)
1	Alusta	52	38	90
2	Medusa	49	62	111
3	Siberia	55	73	128
4	Tiber	52	68	120
5	Sorbonne	49	54	103
6	Stargazer	53	59	112
7	Acapulco	52	59	111
8	Starfighter	52	61	113
	LSD 5%	2,02	1,73	1,97
	CV%	2,3	1,7	1,0

Số liệu bảng 2 cho thấy, thời gian từ trồng đến ra nụ giữa các giống hoa lily không chênh lệch nhiều, từ 49 ngày (Medusa) đến 55 ngày (Siberia). Tuy nhiên, thời gian từ nụ đến nở hoa khá chênh lệch giữa các giống. Thời gian này ngắn nhất thuộc về giống Alusta (38 ngày) và dài nhất là Siberia (73 ngày).

Chính vì vậy mà tổng thời gian sinh trưởng phụ thuộc vào thời gian từ nụ đến nở hoa. Trừ giống Alusta có thời gian sinh trưởng ngắn nhất (90 ngày), các giống còn lại có thời gian sinh trưởng dài hơn 100 ngày, trong đó giống có thời gian sinh trưởng dài nhất là Siberia (138 ngày) và Tiber (130 ngày).

Thời gian sinh trưởng là đặc tính của giống. Dựa vào thời gian sinh trưởng của chúng mà ta có thể bố trí thời vụ thích hợp cho từng giống để có hoa vào dịp mong muốn, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người trồng hoa.

### 3.3. Một số đặc điểm về hoa của các giống lily

Các chỉ tiêu về nụ, hoa và độ bền của hoa liên quan đến chất lượng và thẩm mỹ của hoa (Bảng 3).

Kết quả cho thấy kích thước nụ thường tỷ lệ với kích thước hoa. Hai giống có kích thước nụ và hoa nhỏ nhất là Starfighter và Stargazer; các giống còn lại đều có kích thước nụ và nhất là hoa tương đối lớn làm tăng giá trị thẩm mỹ của hoa lily (đường kính hoa 19 – 24 cm). Độ bền của hoa lily là đặc tính ưu chuộng của loại hoa này.

Nhìn chung, thời gian tồn tại của hoa ở trên cây cũng như sau khi cắt cắm lọ là khá dài: từ 10 đến 19 ngày khi để tự nhiên trong nhà lưới và từ 8,5 đến 14 ngày khi cắm lọ trong phòng. Hai giống Sorbonne và Tiber có độ bền của hoa dài nhất có lẽ do cánh hoa dày và cứng hơn các giống khác.

**Bảng 3. Một số chỉ tiêu về hoa của các giống hoa lily**

Giống	Chiều dài nụ* (cm)	Đường kính nụ* (cm)	Đường kính hoa (cm)	Trong nhà lưới		Trong phòng	
				Thời gian nở hoa (ngày)	Độ bền hoa tự nhiên (ngày)	Thời gian nở hoa (ngày)	Độ bền hoa tự nhiên (ngày)
Alusta	8,5	2,50	18,5	21,5	15,0	19,0	11,0
Medusa	11,5	3,01	20,0	23,5	17,0	18,0	12,0
Siberia	6,5	3,05	17,0	23,5	17,0	19,0	14,0
Tiber	11,9	3,95	20,0	23,5	19,0	20,5	13,0
Sorbonne	12,0	4,05	19,0	23,5	18,0	20,0	13,0
Stargazer	5,6	1,75	16,0	18,5	10,0	16,0	8,5
Starfighter	5,2	1,60	15,5	18,0	12,0	20,5	9,0
Acapulco	12,5	3,15	24,0	23,5	18,0	20,0	11,5
LSD 5%	0,79	0,16	1,20	3,30	1,88	3,20	2,18
CV%	5,2	3,2	4,0	8,8	6,9	9,7	11

Ghi chú: \* Đường kính nụ và chiều dài nụ ở thời điểm chuẩn bị nở hoa

### 3.4. Khả năng chống chịu sâu bệnh hại của các giống hoa lily



Hình 1. Các giống bị bệnh héo lá trong nhà kính, nhà lưới vụ đông

Bảng 4. Khả năng chống chịu bệnh cháy lá của các giống hoa lily

Giống	Bệnh héo lá	
	Tỷ lệ cây bị bệnh (%)	Mức độ bệnh hại
Alusta	0	0
Medusa	30	+++
Siberia	0	0
Tiber	20	++
Sorbonne	20	++
Stargazer	100	++++
Starfighter	100	++++
Acapulco	30	+++

Ghi chú : + Mức độ nhẹ (tỷ lệ bệnh < 10%)  
+++ Mức độ nặng (tỷ lệ bệnh 26 - 50%)

++ Mức độ trung bình (tỷ lệ bệnh 10 - 25%)  
++++ Mức độ rất nặng (tỷ lệ bệnh > 50%)

Hoa lily thí nghiệm được trồng trong điều kiện cách ly trong nhà lưới, hơn nữa là vụ đầu tiên nên khả năng nhiễm sâu bệnh là không đáng kể, chỉ có bệnh cháy lá là khá phổ biến (Bảng 4). Trừ giống Alusta và Serbia không bị bệnh này, 6 giống còn lại đều bị bệnh cháy lá ở mức độ từ trung bình đến rất nặng, trong đó, hai giống Sorbonne và Tiber nhiễm nhẹ hơn ở mức trung bình nên cuối vụ có thể hoàn toàn phục hồi. Hai giống Starfighter và Stargazer nhiễm rất nặng. Bệnh cháy lá có thể là bệnh sinh lý do thoát hơi nước mạnh ở các lá non khi chúng sinh trưởng quá nhanh giai đoạn đầu, phụ thuộc vào điều kiện ngoại cảnh, bên cạnh đó cấu tạo của lá có ý nghĩa quan trọng. Giống nào có lá mỏng manh, yếu ớt, tầng cu tin mỏng...thì dễ bị mất nước. Nếu là bệnh sinh lý, biện pháp có thể hạn chế bệnh là trồng 2 giai đoạn ở các củ lớn và che phủ luống (Nguyễn Văn Tĩnh, 2007).

### 3.5. Các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất

Bảng 5 ghi nhận các chỉ tiêu cấu thành năng suất và năng suất hoa của các giống lily. Số nụ trên cây dao động từ 3,2 đến 4,3 nụ và số hoa nở từ 2,9 đến 4,1 hoa trên cây, trong đó giống Starfighter có số hoa thấp nhất (2,9 hoa/cây). Tỷ lệ nụ nở thành hoa quyết định số hoa trên cành. Các giống đều có tỷ lệ nụ nở thành hoa khá cao (95 - 100%). Hai giống Starfighter và Stargazer có tỷ lệ này chỉ đạt khoảng 90% nên chất lượng cành hoa không cao. Tỷ lệ cây hữu hiệu quyết định năng suất cành hoa. Trừ hai giống Starfighter và Stargazer có tỷ lệ hoa hữu hiệu chỉ đạt khoảng 80% do bị bệnh cháy lá nặng, nên năng suất hoa cành chỉ đạt 20 -21 cành /m<sup>2</sup>, các giống khác đều có tỷ lệ này đạt 100% nên năng suất cành đạt 25 cành/m<sup>2</sup>. Chỉ tiêu năng suất tính

bằng số hoa/m<sup>2</sup> quyết định đến giá thành và hiệu quả kinh tế. Các giống Medusa, Serbia, Tiber và Acapulco có năng suất hoa/m<sup>2</sup> từ 100 đến 105 hoa/m<sup>2</sup>, Sorbonne đạt 96,3 hoa/m<sup>2</sup>, các giống còn lại thuộc diện năng suất hoa thấp dao động từ 72

- 87 hoa/m<sup>2</sup>. Kết quả nghiên cứu này so với nghiên cứu của Nguyễn Văn Tinh (2007) đối với giống Sorbonne ở các tỉnh khác thì số hoa/cây có thấp hơn chủ yếu do mức độ thâm canh của nông dân các tỉnh cao hơn.

**Bảng 5. Các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất của các giống hoa lily**

Giống	Mật độ trồng (cây/m <sup>2</sup> )	Số nụ/cây (nụ)	Số hoa nở trên cây (bông)	Tỷ lệ nụ nở thành hoa (%)	Tỷ lệ cây hữu hiệu (%)	Năng suất cành (cành/m <sup>2</sup> )	Số hoa/m <sup>2</sup>
Alusta	25	3,40	3,40	100,0	96,0	24,0	85,0
Medusa	25	4,33	4,10	94,7	100,0	25,0	100,5
Siberia	25	4,20	4,00	95,2	100,0	25,0	100,0
Tiber	25	4,27	4,06	95,1	100,0	25,0	101,5
Sorbonne	25	3,95	3,85	97,5	100,0	25,0	96,3
Stargazer	25	3,93	3,50	89,1	84,0	21,0	87,5
Starfighter	25	3,20	2,90	90,6	80,0	20,0	72,5
Acapulco	25	4,15	4,15	100,0	100,0	25,0	103,8
LSD 5%		0,25	0,13	1,25	1,22	1,49	1,92
CV %		3,7	2,1	0,8	0,7	3,6	1,2

### 3.6. Hiệu quả kinh tế các giống lily trồng tại Hải Phòng vụ đông 2006

Hoa lily nở đúng dịp Tết Đinh Hợi nên hoa bán được giá. Lợi nhuận thu được khác biệt nhau rất nhiều giữa các giống thí nghiệm. Trừ giống Starfighter, các giống khác đều có lãi dao động từ 30,42 triệu /1000m<sup>2</sup> và 1200đồng/củ giống

(Stargazer) đến 261,67 triệu đồng/1000m<sup>2</sup> và 10500 đồng/củ (Sorbonne). Đáng lưu ý là hai giống Sorbonne và Tiber cho lợi nhuận cao nhất (Bảng 6). Đây cũng là giống hoa trồng phổ biến và đang rất được ưa chuộng. Vì vậy nên khuyến cáo cho người sản xuất hoa tại Hải Phòng lựa chọn hai giống này để sản xuất hoa lily cho dịp Tết Nguyên Đán.

**Bảng 6. Hiệu quả kinh tế của các giống hoa lily trồng tại Hải Phòng**

Đơn vị tính: 1000 đồng

Chỉ tiêu	Alusta	Medusa	Siberia	Tiber	Sorbonne	Stargazer	Starfighter	Acapulco
Số củ trồng/10m <sup>2</sup> (ô TN)	250	250	250	250	250	250	250	250
Chi phí giống	2.875	2.875	3.250	3.000	3.125	2.250	2.875	2.875
Trấu hun	25	25	25	25	25	25	25	25
Khấu hao nhà lưới	50	50	50	50	50	50	50	50
Thuốc BVTV	16,7	16,7	16,7	16,7	16,7	16,7	16,7	16,7
Nhân công	166,7	166,7	166,7	166,7	166,7	166,7	166,7	166,7
Phân bón các loại	41,7	41,7	41,7	41,7	41,7	41,7	41,7	41,7
Chi phí khác (điện, nước...)	83,3	83,3	83,3	83,3	83,3	83,3	83,3	83,3
Tổng chi phí	3.508,3	3.508,3	3.883,3	3.633,3	3.758,3	2.883,3	3.508,3	3.508,3
Tổng thu (85% cành ra hoa)	4250	5312,5	5312,5	6150	6375	3187,5	3187,5	5737,5
Lãi thuần (10m <sup>2</sup> )	741,7	1804,2	1429,2	2516,7	2616,7	304,2	-320,8	2229,2
Lợi nhuận/củ	3,0	7,2	5,7	10,1	10,5	1,2	-1,3	8,9
Lợi nhuận/1000m <sup>2</sup>	74.170	180.420	142.920	251.670	261.670	30.420	-32.080	222.920

#### 4. KẾT LUẬN

Trong điều kiện sinh thái vụ đông tại Hải Phòng, các giống hoa lily nhập nội đều có khả năng sinh trưởng phát triển tốt, cho hoa với tỷ lệ cao, năng suất hoa cao, có hiệu quả kinh tế.

Hai giống Sorbonne và Tiber có khả năng sinh trưởng và phát triển tốt nhất, tỷ lệ ra hoa cao, chất lượng hoa tốt, lợi nhuận mang lại rất cao, trên 10000 đ/củ giống.

Cần giới thiệu rộng rãi 2 giống Sorbonne và Tiber này cho sản xuất.

Hai giống Starfighter và Stargazer sinh trưởng phát triển kém, nhiễm bệnh cháy lá nặng, năng suất hoa thấp và chất lượng hoa kém, không nên trồng 2 giống này tại Hải Phòng.

#### 5. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Phạm Tiến Dũng (2003). *Xử lý kết quả trên máy vi tính bằng IRRISTAT trong WINDOWS*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội, Tr. 15-50.
- Đặng Văn Đông, Đinh Thế Lộc (2004). *Cây hoa lily*, NXB Lao động Xã hội, Tr.5-6, 58-76.
- Trần Duy Quý và CS (2004). *Giới thiệu một số giống hoa lily mới nhập vào Việt Nam và khả năng phát triển chúng*, Bản tin Nông nghiệp Giống công nghệ cao số 6, Hà Nội, tr. 10-12.
- Nguyễn Văn Tinh (2007). *Ảnh hưởng của một số biện pháp kỹ thuật đến sinh trưởng, phát triển và chất lượng hoa lily giống Sorbonne trồng ở một số tỉnh miền Bắc Việt Nam*, Luận văn thạc sỹ Nông nghiệp, 2007. Tr. 74-79.
- Triệu Tường Vân (2005). *Cơ sở khoa học kỹ thuật sản xuất hoa lily cắt cành*, NXBNN Trung Quốc, Tr.57-75.